

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 29/10/2021

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I P, TỈNH G L

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Thủy.

Ông Hoàng Tuấn Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I P, tỉnh G L tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện I P, tỉnh G L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Thôn 2, xã P T, huyện I P, tỉnh G L . Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Ông Trần Công H, sinh năm 1969

Cùng cư trú: Thôn K B, xã P T, huyện I P, tỉnh G L . Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Bà Phạm Thị H có cho bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H vay tiền. Hình thức cho vay là đầu tư cho bà T, ông H để làm nương rẫy trồng mì về phân bón và tiền mặt. Bà T, ông H đến nhà bà H lấy phân bón, lấy tiền mặt khi cần để phục vụ cho việc trồng mì. Sau khi chốt sổ nợ thì bà T và ông H còn nợ của bà H 03 khoản tiền vay cụ thể: Ngày 12/02/2009 nợ 11.010.000 đồng; Ngày 13/6/2008 nợ 17.000.000 đồng; Ngày 01/6/2008 nợ 15.800.000 đồng. Tổng cộng bà T và ông H

còn nợ của bà tổng số tiền là 43.810.000 đồng. Hai bên không có thỏa thuận về thời gian trả nợ nhưng có thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, từ khi vay tiền cho đến nay thì bà T và ông H không trả nợ cho bà H dù bà H đã đòi rất nhiều lần.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H trả ngay số tiền 43.810.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật với lãi suất là 0,83%/tháng cụ thể:

Số tiền 11.010.000 đồng tính lãi từ ngày 13/02/2009 cho đến ngày xét xử hôm nay; Số tiền 17.000.000 tính lãi từ ngày 14/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay; Số tiền 15.800.000 tính lãi từ ngày 02/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà T đồng ý có vay của bà H 03 khoản vay như bà H khởi kiện là đúng. Trước đây bà T đã trả hết cho bà H rồi nhưng không chịu gạch sổ nợ và bà T đã có cân mì trả cho bà H rồi nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên bà H khởi kiện thì bà T đồng ý. Khi vay thì hai bên có thỏa thuận miệng về lãi suất. Do khoản vay trên là khoản vay riêng của bà T, khi vay tiền chồng bà T là ông Trần Công H không biết nên bà T đồng ý một mình trả nợ cho bà H. Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà T xin bà H cho trả mỗi năm 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Còn tiền lãi thì xin bà H không tính.

- Bị đơn ông Trần Công H trình bày: Ông không liên quan gì đến khoản tiền vay giữa bà T và bà H nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 26, 35, 39; Các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền là 43.810.000 đồng nợ gốc cho nguyên đơn và lãi suất cụ thể:

+ Số tiền 11.010.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 13/02/2009 cho đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/10/2021 là 13.938.954 đồng; Số tiền 17.000.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 14/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay là 22.646.550 đồng; Số tiền 15.800.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 02/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay là 21.100.426 đồng.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị T và ông Trần Công H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H trả lại số tiền đã vay. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các văn bản pháp luật có hiệu lực tại thời điểm các bên thực hiện việc giao dịch dân sự về vay tài sản là Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H là vợ chồng. Do cần tiền, phân bón để đầu tư trồng mì nên bà T có vay của bà H tiền mặt và phân bón. Sau khi nhận tiền và phân bón để đầu tư trồng mì thì bà T đã ký vào sổ nhận nợ của bà H cụ thể: Ngày 12/02/2009 bà T có ký vào sổ nhận nợ còn nợ lại của bà H số tiền 11.010.000 đồng; ngày 13/6/2008 bà T có ký vào sổ nhận nợ còn nợ lại của bà H số tiền 17.000.000 đồng; ngày 01/6/2008 bà T có mượn của bà H số tiền 15.800.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa bà T đã thừa nhận có vay của bà H các khoản vay trên mục đích để về trồng mì và làm ăn có thu nhập chi tiêu cho cuộc sống gia đình. Bà T trình bày đã trả nợ cho bà H rồi nhưng sơ suất không chịu gạch sổ và có cân mì trả cho bà H nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên bà H khởi kiện thì bà T đồng ý trả. Như vậy, việc bà T có vay tiền và ký nhận vào sổ nợ của bà H là có thật. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Công H trình bày không biết gì về các khoản nợ trên của bà T và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên, căn cứ vào mục đích bà T vay tiền của bà H thì khoản nợ trên là khoản nợ chung của bà T và ông H. Sau khi ký nhận nợ, giữa bà T và bà H không có thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên đây là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn và có lãi suất. Xét, giao dịch vay tiền giữa bà H với bà T và ông H là một hợp đồng dân sự về việc vay tài sản không kỳ hạn được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Nhưng sau khi vay tiền thì bà T và ông H đã không trả nợ cho bà H dù bà H đã đòi nhiều lần nên bà T và ông H là bên vi phạm về nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H trả số tiền còn nợ là 43.810.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa hôm nay bà H yêu cầu bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H phải trả lãi suất chậm trả của số tiền 43.810.000 đồng kể từ ngày vi phạm trả nợ cụ thể: Số tiền 11.010.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 13/02/2009 cho đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/10/2021; Số tiền 17.000.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 14/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/10/2021; Số tiền 15.800.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 02/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/10/2021. Tại phiên tòa bà H và bà T đều thừa nhận khi vay tiền hai bên có thỏa thuận về lãi suất và do gia đình khó khăn nên bà T xin bà H không tính tiền lãi. Từ ngày vay tiền đến nay thì bà T và ông H đã không trả cho bà H tiền nợ gốc đã vay và tiền lãi. Như vậy cho thấy, việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn có thỏa thuận lãi suất và bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả lãi là có thật. Xét yêu cầu tính lãi suất của bà H tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền lãi tính mức lãi suất bằng 0,83%/tháng cụ thể:

- Số tiền 11.010.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 13/02/2009 cho đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/10/2021 là 13.938.954 đồng; Số tiền 17.000.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 14/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay ngày 29/10/2021 là 22.646.550 đồng; Số tiền 15.800.000 đồng tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 02/6/2008 cho đến ngày xét xử hôm nay là 21.100.426 đồng.

Như vậy tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 57.685.930 đồng.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 470; Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị H số tiền nợ gốc là 43.810.000 đồng và số tiền nợ lãi là 57.685.930 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 101.495.930 đồng (*Một trăm linh một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người pH thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn pH chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trần Công H có nghĩa vụ nộp số tiền 5.074.797 đồng (*Năm triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền 3.547.500 đồng (*Ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0000453 ngày 02/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện I P, tỉnh G L .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L ;
- VKSND h. I P;
- Chi cục THADS h. I P;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Viết Minh Quân